

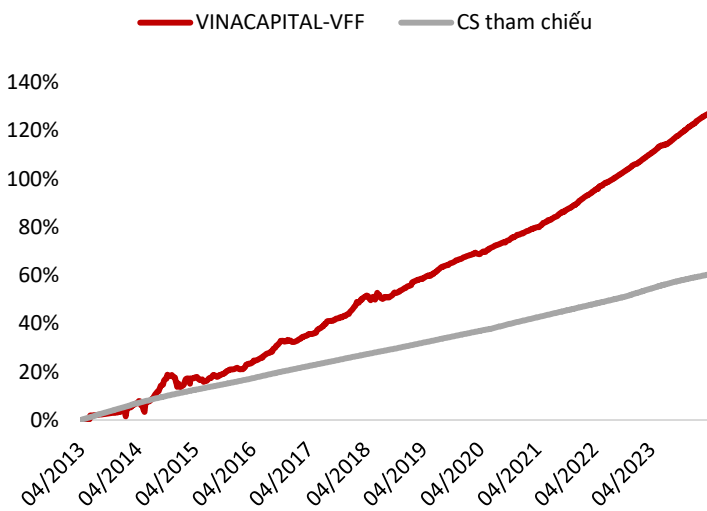
VINACAPITAL-VFF Chiến lược đầu tư

- Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết của các doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định; đạt điểm tín nhiệm cao theo hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital.

- Kết hợp đa dạng hóa các ngành nghề trong danh mục đầu tư.

- Thận trọng cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận để giảm thiểu rủi ro.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

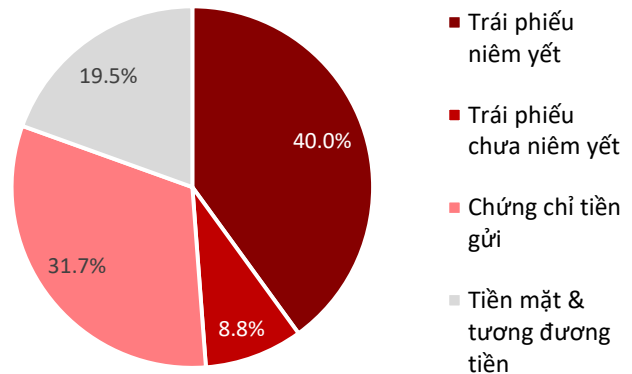
	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,249.8	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	22,706.9	
Lợi nhuận tháng 03/2024 (%)	0.5	0.4
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	1.8	1.2
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%)	8.0	5.6
Lợi nhuận kép trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.7	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	127.1	60.3

* CSTC: Chỉ số tham chiếu (Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



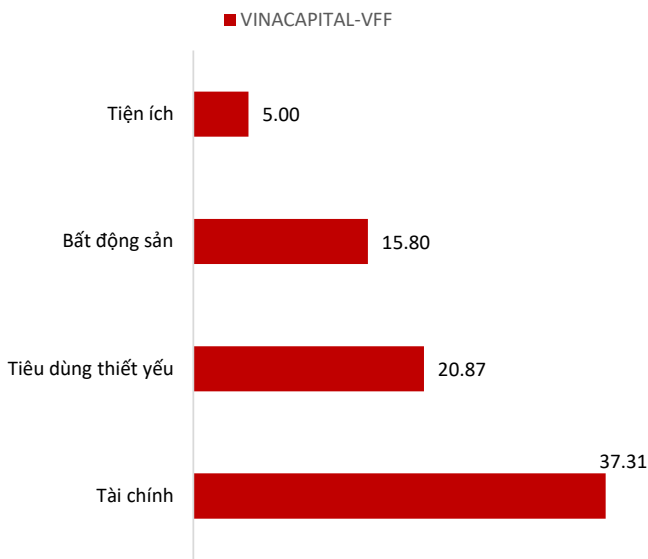
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	0.5% >= 12 tháng
	0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.1
Lợi suất khi đáo hạn (%)	6.8

Phân bố theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
TN1	CTCP TMDV TNS Holdings	8.6	7.1	0.9
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	8.0	9.1	3.2
MML	CTCP Masan Meatlife	7.5	8.4	2.1
GEG	CTCP Điện Gia Lai	5.0	10.8	0.5
VHM	CTCP Vinhomes	4.3	8.3	0.1

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.4%	8.0%
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%	0.7%	0.7%	0.7%	0.6%	8.0%
2024	0.7%	0.6%	0.5%										1.8%

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Tăng trưởng GDP của Việt Nam phục hồi từ 3,4% so với cùng kỳ trong Q1/2023 lên 5,7% trong Q1/2024, nhờ vào sự phục hồi của lĩnh vực sản xuất trong nước. Tuy nhiên, tâm lý tiêu dùng yếu đã tạo áp lực lên mức tiêu dùng trong quý. Cụ thể, sản lượng sản xuất phục hồi từ mức giảm 0,3% trong Q1/2023 lên mức tăng trưởng 7% trong Q1/2024, trong khi tốc độ tăng trưởng của doanh số bán lẻ thực tế (tức là loại trừ tác động của lạm phát) giảm từ 10,1% so với cùng kỳ trong Q1/2023 xuống 5,1% trong Q1/2024. Hầu hết các sản phẩm sản xuất tại Việt Nam đều được xuất khẩu, do đó, sự phục hồi của sản lượng sản xuất trong nước được thúc đẩy bởi sự phục hồi xuất khẩu từ mức giảm 12% trong Q1/2023 lên mức tăng trưởng 17% trong Q1/2024 (lên 93,1 tỷ USD), đẩy thặng dư thương mại của cả nước lên 8,1 tỷ đô la Mỹ hoặc gần 8% GDP quý 1.

Tuy nhiên, chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam thực tế đã giảm từ 50,4 trong tháng 2 xuống 49,9 trong tháng 3 do số lượng đơn đặt hàng tại nhà máy giảm. Điều này khiến triển vọng của ngành trong những tháng tới chưa rõ ràng. Bên cạnh đó, lạm phát CPI tại Việt Nam được giữ ổn định ở mức 4% YoY trong cả tháng 2 và tháng 3. Tuy nhiên, lạm phát so với cùng kỳ có khả năng tăng trong những tháng tiếp theo do ở cùng kỳ Q2/2023, lạm phát đã duy trì ở mức thấp.

Tỷ giá USD-VND mất giá thêm 0,6% trong tháng 3 và giảm 2,2% so với đầu năm xuống 24.810. Giá vàng tiếp tục tăng cũng đang gây áp lực giảm giá lên đồng VN. Người dân trong nước – những người rất yêu thích vàng – đã có động lực mua nhiều vàng hơn và việc mua hàng của họ lại tạo áp lực thêm cho tỷ giá. Trong những tháng tới, việc chưa chắc chắn về thời điểm Fed giảm lãi suất, giá vàng tăng cao và khả năng lạm phát cao hơn có thể tiếp tục gây áp lực lên VND.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tổng lượng phát hành trong tháng 3 năm 2024 đạt 10,8 nghìn tỷ đồng, giảm 60% so với cùng kỳ. Lĩnh vực Bất động sản dẫn đầu tỷ trọng phát hành với 9,25 nghìn tỷ đồng, chiếm 85,6% tổng lượng phát hành, có lợi suất trung bình 10,6% và thời gian đáo hạn trung bình là 2,6 năm. Tiếp theo là ngành Ngân hàng, với Ngân hàng Quân đội là tổ chức phát hành duy nhất, huy động được 1,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,7% tổng vốn huy động, với lợi suất trung bình là 6,4% và thời gian đáo hạn là 8,0 năm. 500 tỷ đồng còn lại, chiếm khoảng 4,6% tổng lượng phát hành, là của Công ty Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) thuộc Khối Dịch vụ Tài chính.

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.